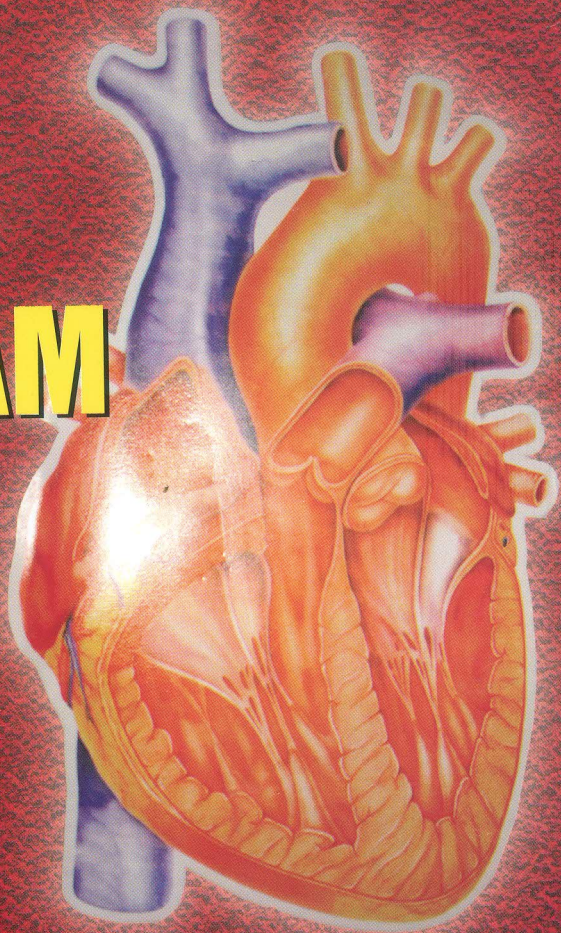


HỘI ĐÔNG Y HÀ TÂY

Sinh bệnh lý
và
luận trị
TẠNG TÂM



NĂM 2007

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, điều lệ hội Đông y Việt Nam và truyền bá y thuật nhằm trao đổi, hướng dẫn lý luận, kinh nghiệm chuyên môn Đông y cho cán bộ, hội viên.

Hội Đông y Hà Tây thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn theo từng bậc học, theo trình độ chuyên môn của từng hội viên, như: Lớp bồi dưỡng Lương y cơ sở, lớp bồi dưỡng Lương y chuyên sâu, lớp Châm cứu, lớp Thuốc nam,...

Để nâng cao kiến thức chuyên sâu cho hội viên, chúng tôi đã kết hợp với Thầy thuốc ưu tú Lương y Nguyễn Thiên Quyến - Nguyên Chủ tịch Hội Đông y thành phố Hà Nội và Lương y Lâm Tiến Đông biên soạn cuốn *"Sinh bệnh lý và luận trị tạng Tâm"*. Nhóm biên soạn đã dựa vào các tài liệu kinh điển và tài liệu đương đại để biên soạn ra cuốn sách này với nội dung đi sâu vào chính tạng, mối quan hệ sinh bệnh lý và luận trị tạng Tâm.

Hy vọng rằng cuốn sách này sẽ mang đến cho độc giả cũng như hội viên chúng ta những kiến thức mới, tìm hiểu mới về Đông y nói chung và tạng Tâm nói riêng.

Mong rằng hội Đông y Hà Tây luôn được kết hợp với các vị cao y trong việc tu thư, dịch thuật nhiều tài liệu chuyên môn quý hơn nữa để không ngừng phổ biến kiến thức chuyên môn cho độc giả và các hội viên./.

T/M HỘI ĐÔNG Y HÀ TÂY
CHỦ TỊCH
BSCKII Nguyễn Hồng Siêm

LỜI NÓI ĐẦU

Trong hệ thống lý luận cơ bản của Đông y học, việc học tập sinh bệnh lý và điều trị học Tạng Phủ là một chương trình quan trọng hàng đầu. Bởi vì qua nghiên cứu Tạng Phủ, người thầy thuốc hầu như đã vượt quá nửa chặng đường lý luận cơ bản, tiến vào nội dung hệ thống lý luận sâu hơn. Ở mỗi Tạng Phủ, được giới thiệu tỷ mỉ như Tạng Phủ đối với Âm Dương ngũ hành, đặc tính và công năng của nó, những bộ phận của cơ thể chịu ảnh hưởng của Tạng Phủ, Tạng Phủ quan hệ đối với khí hậu tự nhiên, đối với kinh lạc, Tạng đối với Tạng, Tạng đối với phủ có ảnh hưởng liên quan đến nhau. Nguyên nhân, cơ chế và đặc điểm phát bệnh ở mỗi Tạng Phủ, những bệnh chứng chủ yếu, biện chứng và phương pháp điều trị bệnh của mỗi Tạng Phủ v.v. Được giới thiệu trên 13 hạng mục từ dễ đến khó, từ trừu tượng đến cụ thể, giúp cho người nghiên cứu một kiến thức nhất định để tìm hiểu đông y.

Sách được giới thiệu lần lượt từng nội Tạng, nhưng trong điều kiện biên soạn bước đầu khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong quý vị đồng nghiệp và bạn đọc góp ý bổ xung thêm.

T/M Nhóm biên soạn
T.T.U.T - Lương y Nguyễn Thiên Quyển

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU	5
LỜI NÓI ĐẦU	7
SINH BỆNH LÝ VÀ LUẬN TRỊ TẠNG TÂM	9
TÂM VỚI ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH	11
I. Thuộc tính âm dương của Tâm	11
II. Thuộc tính ngũ hành của Tâm	13
ĐẶC TÍNH CỦA TÂM	16
I. Tâm chủ dương khí	16
II. Tâm sợ nóng	17
III. Tâm chủ về vui mừng	18
CÔNG NĂNG CỦA TÂM	20
II. Tâm chủ về huyết mạch	20
1. Tâm chủ huyết	20
2. Tâm chủ mạch	22
II. Tâm chủ về thần chí	23
III. Tâm chủ về mô hôi	26
IV. Tâm là đại chủ của năm tạng sáu phủ	27
TÂM VỚI MẶT VÀ LƯỖI	30
I. Tâm với mặt	30
II. Tâm với lưỡi	31
TÂM VỚI TỰ NHIÊN	32
I. Tâm với mùa hạ	33
II. Tâm với mùa: Xuân, Thu, Đông	35

III. Tâm với năm tháng ngày giờ	38
1. Tâm với năm	38
2. Tâm với tháng	40
3. Tâm với ngày	41
4. Tâm với giờ	42
IV. Tâm với đất đai khu vực	43
TÂM VỚI KINH LẠC	45
1. Đường tuần hành kinh mạch của Tâm	45
2. Lạc mạch của Tâm kinh	46
3. Du huyết của Tâm kinh	47
3.1. Huyết Cực tuyền	47
3.2. Huyết Thanh linh	48
3.3. Huyết Thiếu hải	48
3.4. Huyết Linh đạo	49
3.5. Huyết Thông Lý:	49
3.6. Huyết Âm kích:	49
3.7. Thần môn	50
3.8. Thiếu phủ	50
3.9. Thiếu xung	51
4. Kinh Tâm với các kinh mạch khác	51
5. Bệnh chứng của Tâm kinh	52
TÂM VỚI CÁC TẠNG PHỦ KHÁC	53
1. Tâm với Can	53
2. Tâm với Phế	57
3. Tâm với Tỳ	62
4. Tâm với Thận	66

5. Tâm với Đờm	71
6. Tâm với Vị	72
7. Tâm với Tiểu trường	73
8. Tâm với Não	74
NGUYÊN NHÂN BỆNH CỦA TÂM	76
I. Ngoại cảm bệnh tà	77
1. Từ biểu vào lý hoặc ngoại tà trực trúng	77
2. Tà từ huyết mạch phạm vào bên trong tạng Tâm	78
3. Sinh hoạt không sạch, tà độc phạm Tâm mạch	79
4. Đường ruột bị nhiễm tà, phạm lên Tâm doanh	80
II. Tình chí không điều hòa	80
1. Tâm thần thất thường	84
2. Tâm khí, Tâm huyết, Tâm mạch thất thường	85
III. Trúng độc dược vật	86
IV. Liên lụy bệnh đến các tạng khác	88
1. Bệnh Phế liên lụy tới Tâm	88
2. Bệnh của Tỳ liên lụy tới Tâm	89
3. Bệnh của Can liên lụy tới Tâm	90
4. Bệnh của Thận liên lụy tới Tâm:	91
V. Sự ưa thích, kiêng kỵ về ăn uống	92
1. Đói no thất thường	93
2. Ưa thích ăn đồ béo ngọt nồng hậu	94
3. Uống rượu quá độ	94

4. Ăn ngũ vị thiên lệch	95
VI. Mệt nhọc, nhàn rỗi, không điều hòa	95
1. Hình thần quá mệt nhọc	96
2. Phòng thất lao thương	97
3. Ham nhàn rỗi, ít lao động	98
VII. Tiên thiên khác thường	99
1. Tạng Tâm tiên thiên hư nhược	100
2. Tiên thiên huyết mạch của Tâm biến dạng	100
CƠ CHẾ GÂY BỆNH CỦA TẠNG TÂM	101
I. Thần chí không yên	101
II. Tâm huyết khuỵ hao	104
III. Tâm âm bất túc	106
IV. Tâm khí bất túc	107
V. Tâm dương không mạnh	108
VI. Huyết mạch nghẽn tắc	110
1. Hàn tà xâm phạm	110
2. Huyết do nhiệt kết	111
3. Thúc đẩy vô lực	111
4. Khí trệ liên lụy đến huyết	112
5. Đàm ngưng dẫn đến huyết ứ	112
6. Bản thân huyết mạch mắc bệnh	113
7. Huyết tràn ra ngoài mạch	113
VII. Ẩm tà phục ở trong	116
ĐẶC ĐIỂM PHÁT BỆNH CỦA TẠNG TÂM	117
I. Đặc điểm bộ vị biểu hiện	117

II. Đặc điểm công năng mất điều hòa	119
1. Chủ về huyết mạch thất thường	120
2. Tâm tàng thần mất điều hòa	120
III. Đặc điểm biến hóa đặc trưng của thể trạng	121
1. Thần khí biến hóa khác thường	122
2. Cổ, ngực, bụng khác thường	122
3. Chân tay khác thường	123
IV. Đặc điểm phát bệnh theo khí hậu từng mùa	124
1. Bệnh Tâm với mùa hạ	124
2. Bệnh của Tâm với mùa Thu Đông	125
3. Bệnh của Tâm đối với mùa Xuân	126
V. Đặc điểm nguyên nhân gây bệnh	126
1. Nhân tố tự nhiên	127
2. Nhân tố sinh hoạt	128
3. Nhân tố tình chí	128
4. Nhân tố nội sinh	129
VI. Đặc điểm về thể chất, lứa tuổi và giới tính	130
1. Đặc điểm về thể chất	130
2. Đặc điểm về lứa tuổi	133
3. Đặc điểm về giới tính	134
VII. Đặc điểm thời gian phát bệnh và điều trị	135
1. Đặc điểm thời gian phát bệnh	135
2. Đặc điểm điều trị	138
TÂM VỚI CÁC BỆNH CHỨNG CHỦ YẾU	139
I. Chứng Tâm chương	139
II. Chứng Tâm sán	140

III. Tâm khái	141
IV. Chứng Tâm tích	142
V. Chứng Tâm cam	143
VI. Chứng Tâm nuy	144
VII. Chứng Tâm tý	145
VIII. Chứng Tâm thủy	146
IX. Chứng Tâm phong	147
X. Chứng Tâm lao	148
XI. Chứng Tâm hồi hộp	149
1. Chứng hư đờm khiếp	150
2. Khí huyết bất túc	151
3. Âm hư hỏa vượng	151
4. Tâm dương không mạnh	151
5. Thủy ẩm lắng Tâm	152
6. Tâm huyết ứ nghẽn	152
XII. Chứng Tâm uất	153
XIII. Chứng Tâm tổn	153
XIV. Chứng Tâm tuyệt	154
XV. Chứng Chân Tâm thống	155
1. Đau vùng Tim	155
2. Vùng Vị quản đau	156
XVI. Chứng Hung tý	157
1. Tâm huyết ứ trở	158
2. Đàm trọc ứ tắc	158
3. Âm hàn ngưng trệ	158
4. Tâm Thận âm hư	159

5. Khí âm lưỡng hư	159
6. Dương khí hư suy	159
XVII. Chứng ra mồ hôi	160
XVIII. Mất ngủ	161
XIX. Hay quên	164
XX. Điên cuồng	165
1. Các chứng hình thường gặp trên lâm sàng của chứng Điên	166
2. Các chứng hình thường gặp trên lâm sàng của chứng cuồng	167
BIỆN CHỨNG BỆNH TÂM	169
A. Thực chứng	169
I. Đàm hỏa quấy rối Tâm	169
1. Nguồn gốc lịch sử của chứng đàm hỏa quấy rối lên Tâm	169
2. Nguyên nhân bệnh	170
3. Phân tích chứng hậu	171
4. Chẩn đoán phân biệt	173
II. Tâm hỏa thượng viêm	174
1. Nguồn gốc lịch sử	174
2. Nguyên nhân bệnh	176
3. Phân tích chứng hậu	177
4. Chẩn đoán phân biệt	178
III. Tâm huyết ứ nghẽn	180
1. Nguồn gốc lịch sử	180
2. Nguyên nhân bệnh	183

3. Phân tích chứng hậu	184
4. Loại chứng phân biệt	185
IV. Đàm mê Tâm khiếu	186
1. Nguồn gốc lịch sử	187
2. Nguyên nhân bệnh	188
3. Phân tích chứng hậu	188
4. Loại chứng phân biệt	189
V. Thủy khí lãng Tâm	190
1. Nguồn gốc lịch sử	190
2. Nguyên nhân bệnh	192
3. Phân tích chứng hậu	193
4. Loại chứng phân biệt	194
B. Hư chứng	195
I. Tâm khí hư	195
1. Nguồn gốc lịch sử	195
2. Nguyên nhân bệnh	198
3. Phân tích chứng hậu	198
4. Loại chứng phân biệt	199
II. Tâm huyết hư	200
1. Nguồn gốc lịch sử	201
2. Nguyên nhân bệnh	202
3. Phân tích chứng hậu	203
4. Loại chứng phân biệt	204
III. Tâm âm hư	205
1. Nguồn gốc lịch sử	206
2. Nguyên nhân bệnh	207

3. Phân tích chứng hậu	208
4. Loại chứng phân biệt	208
IV. Tâm dương hư	209
1. Nguồn gốc lịch sử	210
2. Nguyên nhân bệnh	211
3. Phân tích chứng hậu	212
4. Loại chứng phân biệt	213
V. Tâm dương bạo thoát	213
1. Nguồn gốc lịch sử	214
2. Nguyên nhân bệnh	215
3. Phân tích chứng hậu	216
4. Loại chứng phân biệt	217
VI. Tâm khí huyết lưỡng hư	218
1. Nguồn gốc lịch sử	218
2. Nguyên nhân bệnh	219
3. Phân tích chứng hậu	220
4. Loại chứng phân biệt	221
VII. Tâm khí âm lưỡng hư	222
1. Nguồn gốc lịch sử	222
2. Nguyên nhân bệnh	223
3. Phân tích chứng hậu	223
4. Loại chứng phân biệt	224
C. Kiêm chứng	225
I. Tâm Can huyết hư	225
1. Nguồn gốc lịch sử	226
2. Nguyên nhân bệnh	227

3. Phân tích chứng hậu	228
4. Loại chứng phân biệt	230
II. Tâm Phế khí hư	231
1. Nguồn gốc lịch sử	231
2. Nguyên nhân bệnh	234
3. Phân tích chứng hậu	234
4. Loại chứng phân biệt	236
III. Tâm Tỳ lưỡng hư	237
1. Nguồn gốc lịch sử	238
2. Nguyên nhân bệnh	239
3. Phân tích chứng hậu	240
4. Loại chứng phân biệt	241
IV. Tâm Thận bất giao	242
1. Nguồn gốc lịch sử	243
2. Nguyên nhân gây bệnh	245
3. Phân tích chứng hậu	246
4. Loại chứng phân biệt	247
V. Tâm Thận dương hư	249
1. Nguồn gốc lịch sử	249
2. Nguyên nhân gây bệnh	252
3. Phân tích chứng hậu	252
4. Loại chứng phân biệt	253
VI. Chứng Tâm Đờm không yên	254
1. Nguồn gốc lịch sử	255
2. Nguyên nhân bệnh	256
3. Phân tích chứng hậu	257

4. Loại chứng phân biệt	258
VII. Chứng Tâm di nhiệt xuống Tiểu Trường	260
1. Nguồn gốc lịch sử	260
2. Nguyên nhân bệnh	262
3. Phân tích chứng hậu	262
4. Loại chứng phân biệt	263
D. Các bệnh chứng liên quan	264
I. Bệnh chứng về lưỡi	264
1. Nguồn gốc lịch sử	265
2. Nguyên nhân bệnh	267
3. Phân tích bệnh chứng	267
II. Bệnh chứng về mô hôi	273
1. Nguồn gốc lịch sử	273
2. Nguyên nhân bệnh	275
3. Phân tích chứng bệnh	276
III. Bệnh chứng về thân	277
1. Nguồn gốc lịch sử	278
2. Nguyên nhân bệnh	281
3. Bệnh chứng phân tích	282
ĐIỀU TRỊ BỆNH TÂM	285
I. Những phương pháp điều trị chủ yếu	289
1. Phép thanh Tâm	289
2. Phép ôn Tâm	292
3. Phép bổ Tâm	296
4. Phép trấn Tâm	303
5. Phép khai khiếu	304

6. Phép hoạt huyết hóa ứ	310
7. Phép hành thủy hóa ẩm	311
8. Phép thủy hỏa giúp đỡ lẫn nhau	312
II. Phương tể thường dùng	313
1. Phương thanh Tâm	313
2. Phương ôn Tâm	317
3. Phương thuốc bổ Tâm	322
4. Phương thuốc trấn Tâm	329
5. Phương khai khiếu	330
6. Phương hoạt huyết hóa ứ	339
III. Dược vật thường dùng	340
1. Thuốc thanh Tâm	340
2. Thuốc ôn Tâm	343
3. Thuốc dưỡng Tâm an thần	344
4. Thuốc trấn Tâm an thần	346
5. Thuốc khai khiếu	348
IV. Liệu pháp tự nhiên	351
1. Châm cứu	351
2. Khí công	354
3. Thực liệu	358
4. Các vấn đề khác	360
THẢO LUẬN CHUYÊN ĐỀ VỀ TẠNG TÂM	362
I. Quan sát vấn đề lý luận "Tâm khai khiếu ra tai"	362
1. Thận chủ tai và Tâm chủ lưỡi	363
2. Lý luận Tâm khai khiếu ra tai	364

3. Phân biệt rõ cơ chế gây bệnh và bệnh biến của Tâm Thận dẫn đến vật về tai	365
II. Quan sát các loại đau, ngứa, mụn, đều thuộc vào Tâm	370
1. Đau ngứa, mụn nhọt	371
III. Nhìn vào "đường lạc của Vị thông với Tâm" và "Tâm vị đồng trị"	377
1. Trên cơ sở sinh lý bệnh lý cùng điều trị Tâm Vị	378
2. Vận dụng lâm sàng Tâm vị đồng trị	379
PHỤ: Y LUẬN TINH TUYỂN	382

SINH BỆNH LÝ VÀ LUẬN TRỊ

TẠNG TÂM

Tâm là một trong năm Tạng, vị trí ở ngực bên trái, bên ngoài có Tâm bào bảo vệ, Tâm nằm ở trên cách mô, phía dưới Phế, hình thái tròn, đầu dưới nhọn giống như bông hoa sen chưa nở. Trong mục Kinh lạc sách Loại kinh đồ rục của Trương Cảnh Nhạc đời Minh nói: "Tâm ở dưới Phế quản, trên cách mô, giáp với đốt sống thứ năm phía sau lưng, hình tròn, đầu nhọn, giống bông hoa sen, bên ngoài có túi lớp mỡ màu đỏ vàng, đó là Tâm Bào Lạc".

Lý Diên đời Minh viết ở mục Ngũ tạng sách Y học nhập môn cũng nói: "Tâm là chủ của thân thể, là chức quan quân chủ, Tâm có máu thịt, hình như bông hoa sen chưa nở, ở dưới Phế trên cách vậy".

Có thể nói các thầy thuốc đời xưa đã có nhận thức nhất định về giải phẫu học của tạng Tâm. Tâm có công năng sinh lý chủ yếu là: Chủ về huyết mạch, duy trì sự vận hành của huyết trong mạch không ngừng. Chủ về tàng thần, là chúa tể của tinh thần ý thức và tư duy hoạt động. Tâm chiếm một vị trí quan trọng trong nội tạng cơ thể. Tâm có tác dụng thống lĩnh và điều tiết mà các tạng phủ khác công năng hoạt động phải dựa vào.

Năm tạng đều thuộc âm, nhưng vị trí của Tâm nằm ở trên cách mà lại gần phía sau lưng. Căn cứ vào đặc tính sinh lý và giải phẫu về vị trí của Tâm, xét quy thuộc âm dương của Tâm lại thuộc dương. Nếu xét theo phân loại ngũ hành, Tâm nằm trong ngũ hành thuộc "Hoả". Tâm cũng như các tạng khác, bao hàm Tâm âm và Tâm dương. Ở trạng thái sinh lý bình thường, Tâm âm và Tâm dương có tác dụng hỗ trợ, dựa vào nhau cùng tồn tại.

Chính như thiên "Âm dương ứng tượng đại luận" sách Tố Vấn nói: "Âm ở bên trong, dương bảo vệ. Dương ở bên ngoài, âm trợ giúp vậy", ở trạng thái bệnh lý, Tâm âm và Tâm dương ảnh hưởng lẫn nhau, nếu như Tâm âm bất túc có thể thấy tương ứng Tâm dương thiên thịnh, mà chứng hậu biểu hiện hư nhiệt. Ngược lại nếu như Tâm dương bất túc, có thể xuất hiện Tâm âm thiên thịnh tương ứng, mà biểu hiện chứng hậu hư hàn. Do bởi âm dương có quan hệ hỗ căn, Tâm âm bất túc có thể âm tổn liên luy tới dương, Tâm dương bất túc cũng có thể liên luy tới âm, và cuối cùng là âm dương đều hư. Tâm chủ huyết mạch, lại chủ về thần minh, sở dĩ bệnh lý biến hoá chủ yếu của tạng Tâm là sự vận hành của huyết mạch bị chướng ngại và sự khác thường về tình chí tư duy hoạt động. Bệnh cơ chủ yếu của Tâm âm hư là Tâm huyết khuỵ hao, bệnh cơ chủ yếu của Tâm dương hư là Tâm khí bất túc, cả hai đều có thể dẫn đến Tâm thần không được nuôi dưỡng, bởi vì Tâm âm và

Tâm dương trong đó có sự hỗ trợ lẫn nhau, dựa vào nhau cùng tồn tại, có quan hệ mật thiết tác dụng lẫn nhau, khi Tâm bị bệnh điều trị thường chiếu cố cả hai phương diện, tức là bổ Tâm âm thường phối hợp với bổ Tâm dương, bổ Tâm dương thường phối hợp với bổ Tâm âm. Chính như mục Tân phương bát trận sách Cảnh Nhạc toàn thư có nói: "Đó là sự phối hợp kỳ diệu của âm dương giúp đỡ nhau vậy. Cho nên thiện bổ dương, tất là trong âm tìm dương, thì dương được âm hỗ trợ mà sinh hoá vô cùng. Thiện bổ âm, tất trong dương tìm âm, tức là âm được dương thăng lên mà suối nguồn không cạn". Nếu như Tâm âm và Tâm dương đều hư, lại áp dụng cả hai phương pháp để điều trị. Thông qua điều trị, điều chỉnh âm dương của Tâm đạt đến tương đối thăng bằng, nhằm khôi phục trạng thái sinh lý của tạng Tâm. Đó cũng là ở mục Chí chân yếu đại luận sách Tố Vấn nói: "Xem xét kỹ hiện tại âm dương để mà điều, lấy bình làm chuẩn".

TÂM VỚI ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH

I-Thuộc tính âm dương của Tâm

Tâm là một trong năm tạng, năm tạng có công năng sinh lý, có hoá sinh và trữ tàng tinh khí. Thiên Kim quỹ chân ngôn luận sách Tố Vấn nói: "Nói tạng phủ trong con người ta có âm dương, thì tạng là âm, phủ là dương". Tâm là tạng với lục phủ tương đối mà nói, mà thuộc tính âm dương là âm.

Âm dương có thể phân ra không có giới hạn, thiên Âm dương hệ nhật nguyệt sách Linh Khu nói rằng: "Âm là Thái dương ở trong dương". Thiên Lục tiết tạng tượng luận - sách Tố Vấn nói: "Âm là Thái dương ở trong dương, thông với Hạ khí. "Âm thuộc tính ngũ hành là hỏa, vị trí ở trên hoành cách, cư trú ở Thượng tiêu, thông với Hạ khí. Âm là chức quan quân chủ, Âm là dương khí thúc đẩy huyết dịch tuần hoàn, khiến cho dòng chảy quay vòng, sự sống không ngừng, để duy trì hoạt động của con người, cho nên được ví như mặt trời của thân thể. Chính như sách: Y học thực tại dịch nói rằng: "Bởi vì con người và trời đất cùng hoà hợp, trời có mặt trời, và người cũng có mặt trời, người cha thuộc dương, là mặt trời vậy". Cho nên có tên gọi "dương ở trong Thái dương."

Âm có phân ra Âm âm, Âm dương. Âm âm là cấu thành có hình thái vật chất của Âm, Âm dương là chỉ sự ôn chiếu và công năng duy trì sự vận hành của huyết dịch, Âm âm là cơ sở vật chất của Âm dương, cả hai đều có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau, làm chức quan "Quân chủ", khiến cho ngũ tạng lục phủ được an hoà.

Thuộc tính âm dương của Âm là dương, công năng chủ yếu của nó lấy "dương khí" làm tác dụng. Công năng chủ yếu của Âm là chủ về huyết mạch, tàng thân. Ở tình huống sinh lý, Âm dương đầy đủ, thì sự thúc đẩy ôn chiếu huyết mạch lưu thông, mà Âm có khả năng làm chủ huyết mạch, thân mình

sáng suốt, có khả năng tàng được thần chí. Vào tình huống bệnh lý, nếu như Tâm dương bất túc, thì sự thúc đẩy vận hành của huyết dịch vô lực, dẫn đến huyết không lưu thông, thậm chí xuất hiện huyết ứ mà biểu hiện vùng ngực nhói đau, chất lưỡi tối trệ, hoặc có nốt ứ huyết, ứ ban mạch Sáp. Tâm dương không mạnh lại còn có thể xuất hiện các chứng trạng như: Thân chí dị thường, tinh thần mệt mỏi, Tâm thần không yên mà hồi hộp. Nếu Tâm dương càng thịnh làm cho Tâm hoả bốc mạnh, có thể dẫn đến huyết đi quá nhanh mà thấy mặt đỏ, mình nóng, mạch Sác; Nếu như Tâm hoả dồn xuống Tiểu trường, có thể xuất hiện các chứng trạng như đi tiểu ra máu, nhiệt bức huyết vọng hành tràn ra ngoài. Tâm hoả quá thịnh quấy rối Tâm thần, có thể xuất hiện các chứng trạng như: Tâm phiền, mất ngủ, hay mê v.v.

Tâm dương và Tâm âm tác dụng lẫn nhau, hỗ trợ hiệp điều, duy trì hoạt động sinh mệnh của con người được bình thường. Do bởi âm dương hỗ căn, sở dĩ Tâm dương bất túc có thể dẫn đến âm huyết của Tâm bất túc, Tâm âm bất túc cũng có thể dẫn đến Tâm dương không mạnh. Trên lâm sàng bệnh của Tâm cuối kỳ, hoặc giai đoạn nghiêm trọng, thường có thể thấy chứng hậu âm dương đều hư của Tâm.

II - Thuộc tính ngũ hành của Tâm

Thuộc tính ngũ hành của Tâm là hoả, hoả ở trong ngũ hành, có đầy đủ tính sưởi ấm và thăng lên, vì thế mà suy ra sự

vật có đầy đủ sự ôn nhiệt và thăng lên, đều quy thuộc vào hoả. Do bởi trong Tâm dương khí cũng có tác dụng ôn chiếu, sở dĩ Tâm thuộc hoả. Cho nên sách Cách chí dư luận của Chu Đan Khê đời Nguyên có nói: "Con người ta sinh ra, Tâm là hoả cư trú ở bên trên ..."

Công năng chủ yếu của Tâm có hai phương diện là tàng thần và chủ về huyết mạch. Tâm dương có tác dụng ôn chiếu, thúc đẩy (Tức là đặc tính của hoả). Tâm dương ở trạng thái sinh lý được gọi là "Thiếu hoả", nó đối với tổ chức của tạng phủ có tác dụng sưởi ấm. Tại tình huống bệnh lý, Tâm dương bất túc thì có thể dẫn đến ôn chiếu bị bất cập, xuất hiện khác thường về Tâm thần và vận hành huyết mạch. Nếu như trong Tâm dương khí quá căng, "Khí hữu dư sẽ là hoả", dưới trạng thái ấy thì Tâm dương được gọi là "Tráng hoả". Dương khí quá căng là tính bệnh lý, cũng có thể dẫn đến công năng khác thường của Tâm tàng thần và chủ huyết mạch (Tham khảo thuộc tính âm dương của Tâm). Tâm dương quá căng tức là Tâm hoả, Tâm hoả căng thịnh có thể gọi là Thực hoả cũng có thể là hư hoả. Thực hoả đa số là bởi trong Tâm uất nhiệt hoá hoả; hư hoả đa số là Tâm âm khuy hư âm không chế được dương, hoả quá căng.

Ở trong ngũ hành, hoả với mộc, thổ và thủy có quan hệ với nhau rất mật thiết. Bởi vì mộc có thể sinh hoả, hoả có thể sinh

thổ, thủy hỏa giúp đỡ lẫn nhau. Ở trong năm tạng Tâm với Can, Tỳ, Thận có quan hệ với nhau rất mật thiết. Can thuộc mộc, Tỳ thuộc thổ, Thận thuộc thủy. Mộc sinh hỏa tức là quan hệ Can với Tâm có thể khái quát làm hai phương diện, một là Can tàng huyết, Tâm chủ huyết mạch, Can tàng huyết công năng chính thường có sự giúp đỡ cho Tâm chủ huyết mạch phát huy công năng chính thường; Hai là Can chủ sơ tiết, sự sơ tiết thăng phát của Can, có sự trợ giúp bởi sự thịnh vượng của Tâm dương. Hỏa sinh thổ tức là quan hệ giữa Tỳ và Tâm cũng có thể khái quát làm hai phương diện. Một là Tâm chủ huyết mạch, Tỳ chủ vận hoá, Tâm chủ huyết công năng bình thường, huyết có khả năng doanh dưỡng Tỳ công năng mới có khả năng phát huy chủ về vận hoá, sinh huyết, thống huyết; Hai là Tâm dương phối hợp với Thận dương cộng đồng sưởi ấm Tỳ dương, Tỳ dương kiện vượng tức là có khả năng vận hoá thủy cốc được bình thường, sản sinh ra khí huyết. Thủy hỏa giúp đỡ lẫn nhau tức là quan hệ Thận với Tâm, một là chỉ Thận thủy tất nhiên giúp đỡ lên Tâm để khống chế Tâm dương không đến nổi quá căng một mình, hai là chỉ Tâm hỏa cần phải hạ giáng xuống Thận, sưởi ấm Thận thủy tránh ngưng đọng, cả hai có tác dụng lẫn nhau để duy trì hiệp điều công năng sinh lý.